

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 3 - 2022
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Kim Phước**.

2. Bà **Trần Thị Thanh Nhanh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Buôi** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Điều** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh năm 2001;

Nơi cư trú: Ấp Ngãi H 1, thị trấn Đại N, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trường T**, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Ấp Ngãi H 2, thị trấn Đại N, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Cẩm H xác định kết hôn với ông Nguyễn Trường T và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đại N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73, ngày 13/12/2019. Từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020 vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một người con chung tên Nguyễn Toàn T1, sinh ngày 09/4/2020. Từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ

chồng không còn hạnh phúc. Bà Nguyễn Thị Cẩm H xác định vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay Bà Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trường T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Toàn T1 đến khi thành niên và không yêu cầu Nguyễn Trường T phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Cẩm H đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- + Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Cẩm H (bản sao chứng thực);
- + Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Trường T (bản sao chứng thực);
- + Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận kết hôn số 73, do Ủy ban nhân dân thị trấn Đại N cấp ngày 13/12/2019;
- + Bản sao trích lục Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Toàn T1;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Nguyễn Trường T và được ông Nguyễn Văn C là anh ruột của ông Nguyễn Trường T cũng như ông Nguyễn Trường T trực tiếp nhận các văn bản tố tụng trên nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trường T; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Toàn T1 đến khi thành niên và không yêu cầu Nguyễn Trường T phải cấp dưỡng cho con; xác định không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H xác định tại phiên tòa hôm nay không còn tình cảm gì với ông T nên không thể hàn gắn mâu thuẫn.

* Bị đơn ông Nguyễn Trường T không đồng ý ly hôn do còn thương vợ, thương con. Ông không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc vợ ông nộp đơn ly hôn với ông. Đối với con chung ông đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Các vấn đề về tài sản chung và nợ chung ông xác định không có.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong

quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Trường T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm H cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Cẩm H ông Nguyễn Trường T ly hôn. Về con chung giao cho bà Nguyễn Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Trường T không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị Cẩm H xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 09/12/2021, bà Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Trường T có nơi cư trú tại Ấp Ngãi H 2, thị trấn Đại N, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về ý kiến của bị đơn không đồng ý đăng công bố, bản án, quyết định giải quyết vụ việc theo quy định của Nghị quyết Hội đồng thẩm phán: Hội đồng xét xử xét thấy vụ việc ly hôn giữa bà H ông T không thuộc trường hợp quy định tại Điều 4. Bản án, quyết định không công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án của Nghị quyết số 03/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Do đó ý kiến của ông T đưa ra không được xem xét chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu nhau từ năm 2018 đến năm 2019 bà Nguyễn Thị Cẩm H cùng ông Nguyễn Trường T tự nguyện kết hôn và tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đại N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73, ngày 13/12/2019. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Trường T là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm H: Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng bà Nguyễn Thị Cẩm H ông Nguyễn Trường T chung sống bên gia đình cha mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Cẩm H tại ấp Ngãi H 1, thị trấn Đại N, huyện Long Phú,

tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn rất hạnh phúc và có một người con chung tên Nguyễn Toàn T1, sinh ngày 09/4/2020. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Cẩm H ông Nguyễn Trường T không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021 vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Làm cho vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị Cẩm H quyết định ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy những nội dung này đã được gửi trực tiếp cho ông Nguyễn Trường T nhận sau khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên ông Nguyễn Trường T không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Nguyễn Thị Cẩm H đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân sau khi sinh con được 08 tháng là khoảng tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho bà Nguyễn Thị Cẩm H ông Nguyễn Trường T hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Nguyễn Trường T đều vắng mặt. Ông T xác định còn thương vợ, thương con nhưng trước khi khai mạc phiên tòa cũng như tại phiên tòa, ông T không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm với bà H. Việc này đã thể hiện việc cho ông Nguyễn Trường T không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị Cẩm H. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải trước khi xét xử cũng như hòa giải tại phiên tòa để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H cho bà Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với cho ông Nguyễn Trường T.

[3.5] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định “Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật”. Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đại N cấp ngày 13/12/2019 của bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Trường T sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm H xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Trường T có một người con chung tên Nguyễn Toàn T1, sinh ngày 09/4/2020. Hiện nay con chung do bà Nguyễn Thị Cẩm H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Nguyễn Toàn T1 thể hiện là con chung của bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Nguyễn Trường T.

[3.7] Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Toàn T1, sinh ngày 09/4/2020 hiện nay đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, con chung giữa bà Nguyễn Thị Cẩm H ông Nguyễn Trường T đến phiên toàn hôm nay chỉ được 01 tuổi 10 tháng 24 ngày. Giữa nguyên đơn và bị đơn cũng không thỏa thuận được về vấn đề nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị Cẩm H đã xác định đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “...3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp

nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con... ”. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 giao cháu Nguyễn Toàn T1 cho bà Nguyễn Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.8] Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay bà Nguyễn Thị Cẩm H đang làm công nhật cho công ty chế biến hải sản ở thành phố Sóc Trăng có nguồn thu nhập mỗi tháng khoảng chín triệu đồng nên đảm bảo cho việc nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.9] Bên cạnh đó ông Nguyễn Trường T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Nguyễn Thị Cẩm H chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Nguyễn Trường T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với ông Nguyễn Trường T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm H ông Nguyễn Trường T theo giấy chứng nhận kết hôn số 73, do Ủy ban nhân dân thị trấn Đại N cấp ngày 13/12/2019 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Toàn T1, sinh ngày 09/4/2020 (hiện nay con chung đang sống chung với bà Nguyễn Thị Cẩm H) cho Nguyễn Thị

Cầm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Nguyễn Trường T không phải cấp dưỡng cho con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Nguyễn Trường T mà không ai được cản trở. Ông Nguyễn Trường T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Nguyễn Thị Cầm H.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cầm H, ông Nguyễn Trường T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cầm H ông Nguyễn Trường T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cầm H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003287, ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy bà Nguyễn Thị Cầm H đã thực hiện xong). Ông Nguyễn Trường T không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Cầm H và ông Nguyễn Trường T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đại N;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc